

ĐỌC THÊM

XIN LẬP KHOA LUẬT

(Trích *Tế cấp bát điệu*⁽¹⁾)

NGUYỄN TRƯỜNG TỘ

TIỂU DẪN

Nguyễn Trường Tộ (1830 - 1871) là một trí thức yêu nước và theo đạo Thiên Chúa, người làng Bùi Chu, xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên,

(1) *Tế cấp bát điệu* : Tám việc cần làm gấp.

đình Nghệ An. Do sớm tiếp xúc với văn hóa phương Tây và có một vốn tri thức phương Đông sâu sắc, Nguyễn Trường Tộ nhận ra nhu cầu bức thiết phải canh tân đất nước. Trước cảnh nước ta mất dần vào tay thực dân Pháp, ông hết sức đau lòng, muốn đem tất cả tài trí của mình hiến dâng cho dân, cho nước bằng những bản điều trần đầy tâm huyết nhằm đổi mới đất nước một cách toàn diện. Tiếc rằng, vua Tự Đức bấy giờ không chấp nhận. Gần sáu mươi bản điều trần của ông đành bị xếp lại.

Điều trần là một thể văn chính luận, nhằm thuyết phục bể trên về một vấn đề xã hội, chính trị nào đó... Bài *Xin lập khoa luật* là bản điều trần số 27 do Nguyễn Trường Tộ viết ngày 20 tháng 10 năm Tự Đức thứ 20 (1867).

*
* *

1. Bất luận quan hay dân, mọi người đều phải học luật nước và những luật mới bổ sung thêm từ thời Gia Long⁽¹⁾ đến nay. Ai giỏi luật sẽ được làm quan. Vì luật bao gồm cả kỉ cương, uy quyền, chính lệnh⁽²⁾ của quốc gia, trong đó tam cương ngũ thường⁽³⁾ cho đến việc hành chính của sáu bộ⁽⁴⁾ đều đầy đủ. Quan dùng luật để trị; dân theo luật mà giữ gìn. Bất cứ một hình phạt nào trong nước đều không vượt ra ngoài luật. Bởi vậy ở các nước phương Tây, phàm những ai đã nhập ngạch Bộ Hình⁽⁵⁾ xử đoán các vụ kiện tụng thì chỉ có thăng trật⁽⁶⁾ chứ không bao giờ bị biếm truất⁽⁷⁾. Dù vua, triều đình⁽⁸⁾ cũng không giáng chức họ được một bậc. Như vậy là để giúp cho các vị này được thong dong trong việc chấp hành luật pháp không bị một bó buộc nào cả. Phàm những tội ngũ hình⁽⁹⁾ đều do các vị này xử. Vua cũng không được đoán phạt một người nào theo ý mình mà không có chữ ký của các quan trong bộ ấy. Làm thế là để cho dân chúng thấy rõ đạo công bằng. Vả lại vua không dự vào những việc ngũ hình để tỏ đạo nhân ái. Như chế độ xưa, vua có "tam hào"⁽¹⁰⁾. Bởi vì nếu có tội phải giết thì đó là quốc dân giết.

(1) *Gia Long*: niên hiệu vua Nguyễn Ánh những năm 1802 - 1819.

(2) *Chính lệnh*: chính sách và pháp luật

(3) *Tam cương*: ba đạo chính của nhà vua về quan hệ vua - tì, cha - con, vợ - chồng.

Ngũ thường: năm điều về đạo đức phải luôn luôn giữ không được thay đổi là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

(4) *Sáu bộ*: thời phong kiến, bộ máy Nhà nước gồm sáu bộ là Bộ Lại, Bộ Hộ, Bộ Hình, Bộ Bình, Bộ Lễ, Bộ Công.

(5) *Nhập ngạch Bộ Hình*: vào làm việc chính thức ở Bộ Hình.

(6) *Thăng trật*: thăng cấp.

(7) *Biếm truất*: giáng chức hoặc cách chức; đây là hình thức kỉ luật đối với quan lại thời xưa.

(8) *Triều đình*: ở đây chỉ các quan trong triều.

(9) *Ngũ hình*: năm hình phạt thời xưa gồm đánh bằng roi (đài hình), đánh bằng gậy (trượng hình), bắt làm lao dịch (đỗ hình), dày đến vùng biên giới xa xôi để làm lao dịch (lưu hình) và giết chết (tử hình).

(10) *Tam hào*: ba lần tha.

2. Biết rằng đạo làm người không gì lớn bằng trung hiếu, không gì cần thiết bằng lẽ nghĩa. Nhưng các sách nho chỉ nói suông trên giấy, không làm cung chǎng bị ai phạt, có làm cung chǎng được ai thưởng. Bởi vậy xưa nay học đã nhiều mà mấy ai đổi được tâm tính, sửa được lối làm? Cho nên Khổng Tử có nói: "Ta chưa hề thấy ai nhận được lối mình mà biết tự trách phạt".

Từ xưa đến nay các vua chúa nắm quyền thống trị cùu nước giúp đời đều nhờ hiếu luật, còn các sách vở khác cũng chỉ là phụ thuộc. Nếu trong nước không có luật, thì dù có vạn quyền sách cũng không thể trị được dân. Điều này quá rõ. Bởi vì sách vở chỉ chép nào là sự tích chính sự thời xưa của cổ nhân, nào là những bài luận hay ho của người xưa để lại, nào những áng văn chương trau chuốt của chư tử⁽¹⁾, nào những tiểu thuyết dã sử của những người hiếu sự đạt bày. Trong đó, hay có, dở có, kẻ nói này, người nói khác, xét kĩ những thứ sách vở đó chỉ làm rối trí thêm chǎng được tích sự gì. Cho nên Khổng Tử nói: "Chép những lời nói suông chǎng bằng thân hành ra làm việc". Thử xem có những nhà nho suốt đời đọc sách, đáng lẽ cử chỉ của họ phải làm khuôn thước cho đời, vậy mà tại sao có nhiều người, cuộc đời của họ và sự ứng xử của họ còn tệ hơn những người quê mùa chất phác?

3. Nếu bảo luật lệ chỉ tốt cho việc cai trị chứ không có đạo đức tinh vi, thế là không biết rằng trái luật là tội, giữ đúng luật là đức. Nếu tận dụng cái lẽ công bằng ở trong luật mà xử sự thì mọi quyền, pháp đều là đạo đức. Có cái đức nào lớn hơn chí công vô tư không? Chí công vô tư là đức trời. Trong luật cái gì cũng công bằng hợp với đức trời, như vậy mà không đáng gọi là đạo đức tinh vi sao? Chỉ sợ con người không tận dụng luật mà thôi. Nếu tận dụng cũng đủ trọn vẹn đạo làm người rồi, bất tất phải đi tìm cái gì khác.

(Theo TRƯỜNG BÁ CẨN, Nguyễn Trường Tộ con người và di thảo,
NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1998)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Đọc phần 1 và trả lời các câu hỏi sau:

- Luật bao gồm những nội dung gì? Mỗi quan hệ giữa luật với quan, dân, với đạo đức và chính lệnh.
- Tác giả vào đê theo cách nào (trực tiếp, gián tiếp hay phản đê) và tác dụng của cách vào đê đó?
- Tác giả đã dùng những lí lẽ nào để thuyết phục nhà vua tuân theo pháp luật?
- Nguyễn Trường Tộ viết: "Phàm những ai đã nhập ngạch Bộ Hình xử đoán các vụ kiện tụng thì chỉ có thang trật chứ không bao giờ bị biếm truất. Dù vua, triều đình cũng không giáng chức họ được một bậc". Điều đó đúng hay sai? Vì sao Nguyễn Trường Tộ lại viết như vậy?

(1) Chư tử: các triết gia thời Xuân Thu, Chiến quốc ở Trung Quốc.

2. Đọc phần 2 và cho biết :

- Nguyễn Trường Tộ phê phán nho gia ở những điểm nào ?
 - Cuối mỗi điều phê phán bao giờ Nguyễn Trường Tộ cũng kết lại bằng lời Khổng Tử. Cách viết đó có tác dụng gì trong việc thuyết phục người nghe thời bấy giờ ?
3. Hãy cho biết ý nghĩa của bài *Xin lập khoa luật* (trích *Tế cấp bát điều*) của Nguyễn Trường Tộ đối với thời bấy giờ và đối với cuộc sống của chúng ta hôm nay.

TRI THỨC ĐỌC - HIỂU

Điều trần

Điều trần dưới thời phong kiến là loại văn bản do bể tôi viết để dâng lên vua, trong đó trình bày kế sách trị nước, viết thành từng điểm, từng vấn đề liên quan đến quốc kế dân sinh. Loại văn bản này thời xưa còn gọi là *bản tấu*, *tấu*, *sớ*, *tấu nghị*... Văn bản điều trần mang tính nghị luận nhằm thuyết phục người nghe làm theo đề nghị của mình. Muốn vậy, lập luận của văn điều trần vừa phải chặt chẽ, có chứng cứ xác thực, lại vừa phải mềm dẻo, tránh làm cho đối tượng mình căm thuyết phục tự ái.

Bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ mang tên *Tám việc cần làm gấp*. Đó là :

- Xin gấp rút sửa đổi việc vô bị,
- Xin hợp lính, huyện để giảm bớt số quan lại và khoá sinh,
- Xin gáy tài chính bằng cách đánh thuế xa xỉ,
- Xin sửa đổi học thuật, chú trọng thực dụng,
- Xin điều chỉnh thuế ruộng đất,
- Xin sửa sang lại biên giới,
- Xin nắm rõ nhân số⁽¹⁾,
- Xin lập viện Dục anh⁽²⁾ và trại Tế bần⁽³⁾.

Trong điều 4 *Xin sửa đổi học thuật, chú trọng thực dụng*, tác giả đề nghị mở các khoa sau đây để dạy cho người Việt Nam :

- Khoa nông chính,
- Khoa thiên văn và khoa địa lí,
- Khoa kinh nghệ,
- Khoa luật học.

(1) *Nhân số*: số người

(2) *Viện Dục anh* : viện nuôi dưỡng trẻ mồ côi

(3) *Trại Tế bần* : trại cứu giúp những người nghèo khổ.

ĐỌC THÊM

ĐỒNG MÃU⁽¹⁾

(Trích *Sơn Hậu*)

TIỂU DẪN

Sơn Hậu là một trong những vở tuồng nổi tiếng của Việt Nam, ra đời vào cuối thế kỷ XVIII và hiện chưa rõ tác giả.

Vở tuồng *Sơn Hậu* gồm ba hồi, kể lại cuộc đấu tranh giữa hai phe chính nghĩa và phi nghĩa. Phe chính nghĩa gồm Đồng Kim Lân, Khương Linh Tá, Phàn Định Công, Đồng Mẫu,... còn phe phi nghĩa có Tạ Thiên Lăng, Tạ Ôn Đình, Tạ Lôi Phong, Tạ Lôi Nhược, Hồ Bôn,...

Bấy giờ vua Tề đã luống tuổi mà chưa có con, Phàn Định Công gả con gái mình là Phàn Phụng Cơ cho vua với hi vọng vua sẽ có con nối ngôi,... Sơn Hậu là vùng đất trọng yếu nơi biên cương đang thiếu người trông coi, nhà vua cử cha con Phàn Định Công tới đó trấn giữ. Đây là căn cứ địa để sau này cha con Phàn Định Công cùng Đồng Kim Lân dựa vào đó mà khôi phục triều Tề. Vì thế, vở tuồng có tên là *Sơn Hậu*. Nhận khi vua Tề ốm nặng, Thái sư Tạ Thiên Lăng lập ra khu điện các riêng, có quy mô như của nhà vua gọi là Tiểu Giang Sơn và mở tiệc mời các quan tới để dò xét hễ ai không về phe với mình thì trừ khử. Thấy anh em họ Tạ làm phản, Đồng Kim Lân và Khương Linh Tá giả vờ hàng chúng để tìm thời cơ khôi phục triều Tề.

Vua Tề mất, Tạ Thiên Lăng cướp ngôi, bắt giam thứ phi Phàn Phụng Cơ lúc bấy giờ đang có thai. Rồi Phụng Cơ sinh hoàng tử. Nhờ quan thái giám Lê Tử Thành và bà Tam cung Nguyệt Hạo – chị của Tạ Thiên Lăng giúp đỡ, Đồng Kim Lân cùng Khương Linh Tá đã cứu được mẹ con Phụng Cơ đưa đi trốn. Việc bị lỏ, Tạ Ôn Đình cho quân đuổi theo. Tình thế quá gấp gáp, Khương Linh Tá một mình chống chọi với anh em Tạ Ôn Đình để tạo điều kiện cho Đồng Kim Lân đem mẹ con Phụng Cơ chạy trốn.

Linh Tá bị Ôn Đình chém mất đầu, nhưng chàng vẫn một lòng giúp Kim Lân, vội ngã dậy nhặt lấy đầu mình rồi cầm đèn soi đường cho Kim Lân và mẹ con Phụng Cơ chạy về đến Sơn Hậu.

Biết không khuất phục được Kim Lân, anh em Tạ Thiên Lăng sai bắt mẹ của Kim Lân để buộc chàng phải quy thuận. Trước sự kháng khai quyết hi sinh vì triều Tề của mẹ, lại nhờ mưu trí của bà Tam cung cùng sự trợ giúp của hồn Khương Linh Tá mà Đồng Kim Lân và Phàn Diệm đã diệt được phe phản nghịch, đưa hoàng tử là con của Phàn Phụng Cơ lên ngôi. Triều Tề được lập lại.

Vở tuồng kết thúc có hậu.

(1) *Đồng Mẫu* : mẹ của người họ Đồng, ở đây là mẹ của Đồng Kim Lân.

Đoạn *Đồng Mẫu* được trích từ Hồi III trong vở tuồng *Sơn Hậu*. Tiếp đoạn trích này là phần kể về việc Kim Lân trả hàng rồi theo kế của bà Tam cung cứu được mẹ, Đồng Kim Lân cùng Phàn Diệm đem quân đến đánh Tiểu Giang Sơn, giành được thắng lợi, đưa hoàng tử lên ngôi.

*
* *

HỒ BỘN, nói

(Dạ !)

Dám thân qua trường hạ⁽¹⁾

Nộp mẹ Đồng Kim Lân.

ÔN ĐÌNH, nói

(Quân, mờ trói cho lão bà, trải chiếu cho lão bà ngồi, bút chỉ⁽²⁾ cho lão bà viết thơ⁽³⁾)

Lão bà muôn toàn thân

Tả tâm thư⁽⁴⁾ một bức.

(Tả thư gửi cho Kim Lân, biếu⁽⁵⁾ :)

Đầu Tạ⁽⁶⁾ thì rạng đeo quyên tước

Danh vọng kia chẳng mất công hẫu.

ĐỒNG MẪU, nói

(Bằng không nữa thì bay mân chi ?)

ÔN ĐÌNH, nói

(Nói thiệt)

Bằng chấp nê gánh vác Tề triều⁽⁷⁾

Niêm mẫu tử át là bị hại (chớ chẳng chơi).

(1) *Thân* : trình bày ; *trường hạ* : dưới trường.

(2) *Bút chỉ* : bút và giấy.

(3) *Thơ* : thư (tiếng miền Trung).

(4) *Tả* : viết ; *tâm thư* : thư viết ra từ đáy lòng.

(5) *Biếu* : bảo, nói.

(6) *Đầu Tạ* : (đầu : đầu hàng, hàng ; Tạ : ho Tạ, ở đây là Tạ Thiên Lăng) đầu hàng ho Tạ.

(7) *Chấp nê* : cố chấp, câu nệ vào một điều gì đó ; *Tề triều* : triều Tề.

ĐỒNG MÃU, nói

Thấy nói bùng bùng lửa dày

Nghe thời sùng sục dầu sôi.

(Tao hỏi, quái tai⁽¹⁾ mà nghe. Có phải)

Ông cha mi hướng lộc Tề quân⁽²⁾

Anh em gã cướp ngôi Thiên đế

(Mi có học mà !)

Kì Đường thất Hoàng Sào khởi nguy, chết chảng toàn thi ;

No Hán gia Vương Mãng khi quân, tử vong tảng địa⁽³⁾,...

(Có phải chặng ?)

Huống con mụ : Hiển nhân⁽⁴⁾ xử thế

Minh tiết bảo thân⁽⁵⁾

Dẫu theo đảng gian thần

Mà đâu loài sủng nịnh ?

ÔN ĐÌNH, nói

Chuyển lời đình chi nộ⁽⁶⁾

Phản tích lịch chi oai⁽⁷⁾.

(Quân !)

Truyền gia hình lão mẫu thượng đài

Hiệu phi báo Kim Lân xuất trận⁽⁸⁾.

*

* * *

(1) Quái tai : dông tai, vểnh tai.

(2) Tề quân : vua Tề.

(3) Đường thất : nhà Đường ; thi : xác (chết) ; Hán gia : nhà Hán ; khi quân : đổi vua ; tử vong tảng địa : chết không có đất chôn. Câu này có nghĩa : Kì Đường Sào thời Đường nổi lên làm giặc, chết không giữ được thân xác toàn vẹn ; no Vương Mãng thời Hán đổi vua nên khi chết không có đất chôn.

(4) Mụ : bà ; con mụ : con của bà (dày) ; hiển nhân : người có học thức được nhiều người biết đến.

(5) Minh tiết bảo thân : giữ thân mình bằng khí tiết rõ ràng.

(6) Lời đình chi nộ : cơn giận dữ như sấm sét.

(7) Phản tích lịch chi oai : làm cho uy như sét đánh nổi dậy.

(8) Nghĩa của hai câu này : Truyền xử tội bà mẹ (Kim Lân) trên đài, lệnh cho quân báo gấp Kim Lân ra trận.

KIM LÂN, nói

Cửa thành còn nghiêm cẩn
Sao nhà gã vọng ngòn ?
Hiệu nhà ngươi phi báo tờ tường
Ta xuất trận chẳng không xuất trận⁽¹⁾ ?

LÔI NHƯỢC, nói

(Bố anh Nam, Kim Lân hắn qua đó !)

ÔN ĐÌNH, nói

(Bố Kim Lân, ta hỏi !)

Vâng ngươi là danh tướng
Sao không biết vận thời ?

KIM LÂN, nói

(Nay ta cử đại binh về lấy cơ nghiệp Tề triều, mà không biết vận thời là mẩn rãng ?)

ÔN ĐÌNH, nói

(Đã biết ngươi cử đại binh phục nghiệp cho Tề đó chớc, nhưng mà việc chẳng qua
tại trời)

Trời khiến mất Tề triều
Đất đang hung⁽²⁾ họ Tạ.
Nếu ngươi không cải quá
Ất bất cập phệ tê⁽³⁾.

(Nói giấu chi ngươi)

Vâng mẹ ngươi ta đã bắt về
Khá quy thuận cho toàn mẫu tử.

(1) Nghĩa của bốn câu này : Cửa thành của ta còn đóng rất cẩn thận và nghiêm ngặt, sao lại nghe thấy lời nói của nhà ngươi vọng vào ; lời báo của ngươi, ta nghe đã rõ ; ta sẽ xuất trận chứ sao lại không xuất trận ?

(2) *Hưng* : làm cho hung thịnh

(3) *Cải quá* : sửa chữa sai lầm ; *bất cập phệ tê* : không kịp cản rốn. Ý của cả hai câu này : Nếu ngươi không biết sửa những sai lầm thì tất là không kịp hối hận.

KIM LÂN, nói

Mặt nhìn tường tận
Thân lạc mā yên⁽¹⁾
Cá tiếng kêu, kia hối từ thân⁽²⁾
Hà do bị tặc thân hâm tróc⁽³⁾ (mẹ ôi !)

ĐỒNG MÃU, nói

(Bố con !)

Con dùng buông tiếng khóc
Mẹ gắm ý nực cười
Vâ Ôn Đinh là tướng bất tài
Bất đặng mẹ nó mùng da diết
Ấy là muu Gia Cát
Ấy là kế Tử Phòng⁽⁴⁾ ?

(Bố Đinh, Nhược !)

Có tài thời lược hổ thao long⁽⁵⁾,
Khá ra sức để thương khoá mā⁽⁶⁾
(mà đánh với con tao)

Có chi mà đóng cửa,
Đội mũ đứng trong nhà,
Mạnh mē chi bất đặng mụ già,
Đem ra để làm bia đỡ đạn ?

(Bố con !)

(1) *Thân lạc mā yên* : thân người rời từ yên ngựa xuống.

(2) *Tử thân* : mẹ hiền

(3) Câu này có nghĩa : Vì cớ gì bị bọn bể tôi làm giặc kia bắt

(4) *Tử Phòng* : Trương Lương, quân sư tài giỏi của Lưu Bang thời Hán – Sở tranh hùng.

(5) *Lược hổ thao long* : thao lược như rồng như hổ, ý nói có tài quân sự

(6) *Để thương khoá mā* : cầm thương, lên ngựa ; ý nói cầm vũ khí, lên ngựa để đánh nhau.



Một cảnh trong vở tuồng *Sơn Hậu*: Đóng Kim Lân từ biệt mẹ

Mẹ dù về chín suối,
Danh tiết để ngàn thu.
Hàng khuyên con bên chí trượng phu,
Sao vậy cũng đừng đầu giặc Tạ.

KIM LÂN, nói

(Đã, trăm lạy mẹ, sá đỗi : loài côn trùng do tri phủ mẫu chi tình thay ; huống chi, nhân sinh vạn vật tối linh, hà nhẫn khí sinh thành chi đại nghĩa⁽¹⁾ !)

Con dù bỏ mẹ,
Sao phải đạo con,
Chân đạp vuông đâu hây đợi tròn,
Mắt thảo ấy sao ràng hiếu tử⁽²⁾ ?

ĐÓNG MÃU, nói

(Con !)

(1) Cả câu này có nghĩa : Loài sâu bọ còn biết đến tình cha mẹ, huống chi con người là loài linh thiêng nhất của vạn vật sao nỡ bỏ nghĩa lớn sinh thành (của cha mẹ).

(2) Hai câu này ý nói : Chân đạp đất, đầu đội trời, mắt chữ thảo ấy, sao nói được rằng mình là người con có hiếu ?

Trượng phu đừng thoái chí⁽¹⁾,
Thoái chí bất trượng phu.
Con hãy ngay cùng nước cùng vua.
Ấy là thảo với cha với mẹ.
Hãy phò an nghiệp chúa,
Cho rạng tiết nhân thân⁽²⁾.
Lấy chũ trung, chũ hiếu con cân.

(Có phải)

Chũ trung ấy nặng hơn chũ hiếu (đó con).

ÔN ĐÌNH, nói

Tần kê tác quái,
Thị tử như du⁽³⁾.

(Quán !)

Lệnh truyền lấy cỏ khô,
Bỏ lên giàn kíp đốt.

KIM LÂN, nói

Thống thiết ! Thống thiết !
Mẫu thân ! Mẫu thân !

(Trảm lạy hai tướng quân)

Xin thư tay cho mõ lời phân,
Phương khứ tựu cho mình sē quyết⁽⁴⁾.

ĐỒNG MÃU, nói

(Bố con ! Đừng có khóc ! Như mẹ nay)

Mình đang lừa dường nhu tâm mát
Dưới suối vàng giấc điệp cồn êm⁽⁵⁾

(1) *Thoái chí* : nản chí, nản lòng.

(2) *Tiết nhân thân* : khí tiết của kẻ làm bể tôi

(3) Nghĩa hai câu này : Gà mái làm điều quái gở, coi cái chết (nhẹ nhàng) như đi chơi. Gà mái ở đây chỉ Đồng Mão.

(4) Nghĩa hai câu này : Xin hãy dừng tay cho tôi nói đôi lời, hãy bỏ việc (thiêu mẹ tôi) rồi tôi sẽ quyết định (có hàng hay không hàng).

(5) Nghĩa hai câu này : Thân mẹ bị lửa thiêu (mà cảm thấy) dường như tâm mát, chết dưới suối vàng (như) giấc ngủ êm đềm.

Mừng thay danh mẹ đặng thơm,

Toại bấy tiết già thêm rạng.

(Con thương mẹ lâm phái a ? Như mẹ nay)

Nám cốt tàn con tướng,

Cao hơn đạo vua tôi (hay sao ?)

KIM LÂN, *nói*

(Trăm lạy, ngàn lạy nhị tướng quân)

Thập niên sự chủ, trung tác tận trung chi đạo,

Sở tài vong thân, hiếu vi thất hiếu chi danh⁽¹⁾ !

(Trăm lạy mẹ, con cam chịu tội cùng mẹ. Dám khuyên nhị tướng quân)

Xin quy thuận Tạ thành⁽²⁾,

Miễn tướng tàn cốt nhục.

ĐỒNG MÃU, *nói*

(Bố Kim Lân ! Để tao chết thời mi hãy đầu Tạ tặc)

Vái tử vị thánh mẫu,

Xin linh ứng thượng thành⁽³⁾,

(Như đời xưa)

Mẹ Diêu Kì với mẹ Sầm Bành,

Mẹ Từ Thứ, mẹ ngươi Tô Định⁽⁴⁾.

Như bốn ấy là gương tiên thánh,

Để soi cho những kẻ hậu lai⁽⁵⁾.

Tôi chẳng qua một gái học đòi,

Có linh ứng đem già theo với.

ÔN ĐÌNH, *nói*

(1) Hai câu này có nghĩa : Mười năm thờ vua giữ trọn được đạo trung ; mấy năm xa mẹ, mang tiếng là kẻ bất hiếu.

(2) *Tạ thành* : thành của họ Tạ.

(3) Nghĩa câu này : Xin linh ứng (bằng cách hiện lên) ở trên thành.

(4) Mẹ Diêu Kì, Sầm Bành, Từ Thứ, Tô Định đều là những tấm gương tiêu biểu cho các bà mẹ thà hi sinh mình để con giữ trọn chữ trung.

(5) *Kẻ hậu lai* : kẻ đến sau, kẻ sinh sau, ở đây chỉ Đồng Mẫu.

(Quân !)

Lời mực còn khảng khái,
Truyền cứ phép gia hình⁽¹⁾.

KIM LÂN, nói

Thống thiết ! Thống thiết !

Tù thân ! Tù thân !

(Theo *Tuồng cổ* do HOÀNG CHÂU KÝ sưu tầm, giới thiệu,
NXB Văn hoá, Hà Nội, 1978)

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

- Đoạn trích *Đồng Mẫu* có mấy nhân vật và các nhân vật ấy được chia làm mấy phe ? Hãy kể tên nhân vật của từng phe và mối quan hệ giữa họ.
- Tóm tắt nội dung đoạn trích *Đồng Mẫu*.
- Tạ Ôn Định đã dùng thủ đoạn gì để buộc Đồng Kim Lân phải theo mình ? Hãy chỉ ra kinh tính của đoạn trích (chú ý cách tạo tình huống, cách đưa mâu thuẫn,...).
- Phân tích tính cách của Đồng Mẫu qua lời đối thoại giữa bà với Tạ Ôn Định và giữa bà với Đồng Kim Lân.
- Nêu nhận xét của anh (chị) về ngôn ngữ tuồng trong đoạn trích *Đồng Mẫu* (cách đối, từ Hán Việt, từ Việt,...).

TRI THỨC ĐỌC - HIẾU

Tuồng

Tuồng là loại hình nghệ thuật sân khấu độc đáo của dân tộc ta và phát triển mạnh vào cuối thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX. Tuồng thường được chia thành hai loại : *tuồng cung đình* và *tuồng hài*. *Tuồng cung đình* còn gọi là *tuồng pho* hoặc *tuồng thầy*, thường viết về đế tài trung với vua hoặc đánh giặc bảo vệ đất nước, bảo vệ triều đình. Các vở *tuồng pho* nổi tiếng của Việt Nam là *Sơn Hậu*, *Tam nữ đỡ vương*, *Đào Tam Xuân*, ... *Tuồng hài* còn gọi là *tuồng đồ*, thường viết về các đế tài sinh hoạt trong dân gian. Các vở *tuồng hài* nổi tiếng của Việt Nam là *Nghêu*, *Sô*, *Ốc*, *Hến*; *Xã Vịt*; *Trần Bố*, ...

(1) *Gia hình* : thi hành hình phạt

Kịch bản tuồng viết ra để diễn. Vì vậy, muốn hiểu đầy đủ và sâu sắc một vở tuồng, ngoài việc nghiên cứu kịch bản văn học, ta cần được xem biểu diễn. Các loại hình nghệ thuật khác như hát, vũ thuật (múa, đánh võ,...), âm nhạc, hoá trang, phục trang, ánh sáng và đặc biệt tài năng biểu diễn của các nghệ nhân sẽ góp phần quan trọng giúp ta hiểu thấu đáo một vở tuồng.

Ngôn ngữ trong kịch bản tuồng chủ yếu là đối thoại và thường được diễn đạt dưới hình thức thơ, hoặc câu văn có nhịp điệu, có đăng đố. Tuy nhiên, từ ngữ Hán Việt được dùng khá nhiều, nhất là trong tuồng pho.

Về nội dung, tuồng thường phản ánh cuộc đấu tranh quyết liệt một mất một còn giữa hai phe trung – nịnh, tốt – xấu, yêu nước – bán nước, chính nghĩa – phi nghĩa,... Cuộc đấu tranh đó tuy gay gắt, phe chính nghĩa lúc đầu tạm thời thất bại và phải trải qua nhiều gian nan, vất vả, thậm chí có khi bị tù đày, tra tấn, chết chóc,... nhưng cuối cùng vẫn chiến thắng,... Do đó, kịch bản tuồng giúp ta căm thù cái xấu xa, độc ác, phản nô trước bất công tàn bạo, đứng lên bảo vệ chính nghĩa và tin tưởng vào sự tất thắng của công lý.

Sơn Hậu là một trong những vở điển hình cho loại tuồng pho.